

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST
Ngày: 24-6-2022.
V/v tranh chấp Hợp đồng tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài.
2. Ông Lê Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thông, kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 24 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Lê Minh C, sinh năm: 1982;
2. Chị Võ Thị Mỹ N, sinh năm: 1980;

Cùng nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Võ Thị Mỹ N ủy quyền cho anh Lê Minh C, sinh năm: 1982 theo Giấy ủy quyền ngày 25/2/2022.

- Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Thị Thu B, sinh năm: 1982;
Nơi cư trú: huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
2. Anh Lê Quang D, sinh năm: 1980;
Nơi cư trú: thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn anh C có mặt, bị đơn chị B, anh D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2021, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ N và anh Lê Minh C, chị N ủy quyền cho anh C trình bày:

Chị N và anh C là vợ chồng có cho chị B, anh D vay số tiền 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng) để đáo nợ Ngân hàng, thời hạn trả là 03 ngày, lãi suất là 3%/tháng. Chị B có viết biên nhận nợ nội dung là “*Hôm nay vào ngày 10/6/2021 DL, tôi tên Nguyễn Thị Thu B, ngụ ấp Bình C, xã B, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp có nhận tiền mặt của cô Võ Thị Mỹ N và anh Lê Minh C số tiền là 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng), nhận một lần một bằng tiền mặt*”. Biên nhận là do chị B tự viết, tại nhà của anh C ở ấp B, anh C cam đoan chữ ký tên, chữ viết họ tên và dấu vân tay trong biên nhận nợ ngày 10/6/2021 (DL) là của chị B, do chị B tự viết, ký tên lẫn tay vào biên nhận nợ, nếu sai anh C hoàn toàn chịu trách nhiệm, giao tiền tại nhà anh C đưa tiền một lần. Từ khi vay cho đến nay chị B và anh D không có trả lại số tiền gốc và đóng lãi, do chị B là vợ của anh D và chị B vay tiền để về đáo nợ ngân hàng, anh D cũng biết nên yêu cầu anh D và chị B cùng có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng anh C.

Nay anh C, chị N yêu cầu: Chị B, anh D có trách nhiệm liên đới trả lại cho vợ chồng anh C số tiền vay gốc là 139.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 10/6/2021(DL) đến khi Tòa án xét xử với mức lãi suất là 20%/năm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu B và anh Lê Quang D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị B, anh D không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của anh C, chị N cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của chị B, anh D về việc yêu cầu khởi kiện của chị N, anh C.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh C, chị N trình bày: Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh Lê Quang D về việc yêu cầu anh D có trách nhiệm liên đới với chị B trả lại số tiền nợ 139.000.000đ cho anh C, chị N, yêu cầu cá nhân chị B trả lại số tiền vay còn nợ là 139.000.000đ cho anh C, chị N và yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 10/6/2021(DL) đến ngày 24/6/2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng như không có văn bản trình kiến, không đến Tòa án để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, 2 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình là vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015, cần phê phán rút kinh nghiệm.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu của anh C, chị N buộc cá nhân chị Nguyễn Thị Thu B trả lại số tiền nợ gốc là 139.000.000đ. Chấp nhận yêu cầu của anh C, chị N buộc chị Nguyễn Thị Thu B trả tiền lãi suất từ ngày 10/6/2021 đến ngày xét xử theo mức lãi suất là 10%/năm đối với số tiền gốc còn nợ là 139.000.000đ. Đình chỉ yêu cầu của anh Lê Minh C, chị Võ Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Quang D liên đới cùng chị Nguyễn Thị Thu B trả tiền cho anh C, chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, chị B hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp Bình C, xã B, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp và anh D đăng ký hộ khẩu thường trú thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Biên nhận ngày 10/6/2021(DL), chị N và anh C có cho chị B vay số tiền 139.000.000đ (*Một trăm ba mươi chín triệu đồng*), nhưng đến nay chị B không trả số tiền nợ nêu trên, nên làm phát sinh tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Biên nhận ngày 10/6/2021(DL), Tranh chấp hợp đồng vay tài sản vào năm 2021, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Thu B và Lê Quang D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy chị B, anh D đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng chị B, anh D vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ xác nhận nơi cư trú của người bị kiện do Công an xã Bình Thành, Công an thị trấn Thanh Bình và địa chỉ theo biên nhận nợ. Tòa án huyện đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định pháp luật tố tụng, nhưng chị B, anh D không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh D là phù hợp và đúng theo quy

định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với Hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ Biên nhận ngày 10/6/2021(DL), chị N và anh C có cho chị B vay số tiền 139.000.000đ (*Một trăm ba mươi chín triệu đồng*) là có thật và đã xảy ra, chị B đã nhận đủ số tiền vay vào ngày 10/6/2021, từ khi nhận tiền đến nay chị B không trả gốc, cũng như trả lãi cho chị N, anh C nên chị B đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với chị N, anh C. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của anh C, chị N buộc chị B có trách nhiệm trả lại số tiền nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Chị N, anh C cam đoan chữ ký tên và chữ viết họ tên người vay tiền là của chị Nguyễn Thị Thu B, đồng thời cam đoan từ khi nhận tiền đến nay chị B không có trả tiền nợ gốc và đóng lãi cho chị N, anh C, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc chị B đã trả xong tiền nợ cho chị N, anh C xong thì chị N, anh C hoàn toàn chịu trách nhiệm. Chị B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị B không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nợ tiền của chị N, anh C và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị B, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của chị B đối với số tiền nợ nêu trên.

Đối với yêu cầu trả lãi suất: Chị N, anh C yêu cầu chị B trả lãi trên số tiền nợ gốc là 139.000.000đ với lãi suất là 0.83%/tháng (10%/năm) tính từ ngày nhận tiền theo biên nhận nợ là ngày 10/6/2021(DL) cho đến ngày xét xử là ngày 24/6/2022 là có cơ sở chấp nhận. Do chị B đã nhận đủ số tiền 139.000.000đ của chị N, anh C, nhưng không có trả lãi kể từ lúc nhận tiền vay cho đến nay, chị N, anh C yêu cầu trả lãi với lãi suất là 0.83% /tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Lãi suất được tính như sau: Số tiền vay gốc là 139.000.000đ x 0.83%/tháng x 12 tháng 14 ngày = 14.370.000đ (*Mười bốn triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mỹ N và anh Lê Minh C buộc chị Nguyễn Thị Thu B có trách nhiệm cá nhân trả lại cho chị N, anh C số tiền còn nợ gốc là 139.000.000đ và lãi là 14.370.000đ, tổng cộng là 153.370.000đ (*Một trăm năm mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463 466, 468 BLDS năm 2015.

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, anh C buộc anh D cùng liên đới trách nhiệm với chị B trả lại số tiền vay còn nợ là 139.000.000đ và lãi suất, tại phiên tòa anh C và chị N thống nhất rút lại yêu cầu anh D có trách nhiệm liên đới với chị B trả lại số tiền nợ nêu trên, yêu cầu cá nhân chị B trả lại số tiền nợ cho anh C, chị N,

Anh C, chị N tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh D nêu trên, do đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ

một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ N và anh Lê Minh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 7.668.500đ (*Bảy triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357, Điều 214 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mỹ N, anh Lê Minh C đối với chị Nguyễn Thị Thu B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu B có trách nhiệm cá nhân trả lại cho chị Võ Thị Mỹ N, anh Lê Minh C số tiền còn nợ 153.370.000đ (*Một trăm năm mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh C và chị Võ Thị Mỹ N đối với anh Lê Quang D về việc yêu cầu anh Lê Quang D có trách nhiệm liên đới với chị Nguyễn Thị Thu B trả lại số tiền nợ cho anh C, chị N.

3. Về án phí:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 7.668.500đ (*Bảy triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

Nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ N và anh Lê Minh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị N, anh C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.475.000đ (*Ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010017 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24/6/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ